

CÔNG TY CP XNK QUẢNG BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 25/2020/QBS-CBTT

Hải Phòng, ngày 30 tháng 07 năm 2020

**CÔNG BỐ THÔNG TIN  
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN  
NHÀ NƯỚC VÀ SGĐCK TP. HCM**

Kính gửi/ To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM

- Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Quảng Bình
- Mã chứng khoán: QBS
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 23 Lô 01 Khu 97 Bạch Đằng, Hạ Lý, Hồng Bàng, Hải Phòng
- Điện thoại: (0225) 626.3333
- Fax: (0225) 3533.679
- Người thực hiện công bố thông tin: Phạm Thị Ngọc Ninh

Loại thông tin công bố :  định kỳ  bất thường  24h  theo yêu cầu

**Nội dung thông tin công bố (\*):**

Báo cáo tài chính hợp nhất quý 2 năm 2020

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty tại đường dẫn:  
<https://quangbinhjsc.com.vn/>

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

**Đại diện tổ chức**

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT



**PHẠM THỊ NGỌC NINH**

\* Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo tài chính hợp nhất quý 2 năm 2020



## **CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2020 đến ngày 30/06/2020**

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2020 đến ngày 30/06/2020

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

**MÃ SỐ B 01-DN**  
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2020	01/01/2020
			VND	VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>772.585.700.970</b>	<b>773.651.060.805</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>4.874.720.039</b>	<b>22.002.756.461</b>
1. Tiền	111		4.874.720.039	22.002.756.461
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>6</b>	<b>10.300.000.000</b>	<b>10.000.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		10.300.000.000	10.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>747.110.478.894</b>	<b>727.703.224.974</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	596.850.778.967	465.613.685.620
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	155.844.228.272	262.818.404.259
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		3.000.000.000	7.000.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	1.326.552.655	4.635.042.532
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(9.911.081.000)	(12.363.907.437)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>11</b>	<b>5.652.087.280</b>	<b>9.812.964.256</b>
1. Hàng tồn kho	141		5.652.087.280	9.812.964.256
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>4.648.414.757</b>	<b>4.132.115.114</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	14	821.547.272	409.128.431
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.826.127.785	3.722.246.983
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18	739.700	739.700
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>620.031.386.833</b>	<b>774.247.327.401</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>227.787.888.390</b>	<b>233.670.530.875</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	145.386.238.390	151.268.880.875
- Nguyên giá	222		181.230.007.167	181.230.007.167
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(35.843.768.777)	(29.961.126.292)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	82.401.650.000	82.401.650.000
- Nguyên giá	228		82.401.650.000	82.401.650.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>1.203.262.182</b>	<b>1.203.262.182</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.203.262.182	1.203.262.182
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>6</b>	<b>107.745.910.029</b>	<b>244.114.121.482</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		107.745.910.029	107.806.228.732
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	233.503.969.597
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		-	(97.196.076.847)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>283.294.326.232</b>	<b>295.259.412.862</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	283.294.326.232	287.805.875.611
2. Lợi thế thương mại	269		-	7.453.537.251
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>1.392.617.087.803</b>	<b>1.547.898.388.206</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

**Báo cáo tài chính h hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2020 đến ngày 30/06/2020

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

**MÃ SỐ B 01-DN**

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2020	01/01/2020
			VND	VND
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>698.112.995.677</b>	<b>830.520.339.708</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>555.307.955.459</b>	<b>690.242.457.369</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	187.085.598.063	123.745.717.691
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	88.070.542.633	282.732.269.242
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	18.462.030	4.544.550.415
4. Phải trả người lao động	314		156.357.640	126.637.305
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	51.659.270.970	34.794.058.602
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	220.541.499.986	236.522.999.977
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		7.776.224.137	7.776.224.137
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>142.805.040.218</b>	<b>140.277.882.339</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	20	132.060.166.596	132.060.166.591
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	29.b	10.744.873.622	8.217.715.748
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>694.504.092.126</b>	<b>717.378.048.498</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>21</b>	<b>694.504.092.126</b>	<b>717.378.048.498</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		693.299.280.000	693.299.280.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		693.299.280.000	693.299.280.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(3.249.100.000)	(3.249.100.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		15.692.449.297	15.692.449.297
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(17.997.611.484)	4.582.859.832
- LNST chưa phân phối lũy kết đến cuối năm trước	421a		4.276.057.481	177.694.379.607
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(22.273.668.965)	(173.111.519.775)
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		6.759.074.313	7.052.559.369
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)</b>	<b>440</b>		<b>1.392.617.087.803</b>	<b>1.547.898.388.206</b>

Bùi Thái Huyền  
Người lập

Bùi Thị Ngọc  
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thanh Hương  
Chủ tịch HĐQT

Hải Phòng, ngày 30 tháng 07 năm 2020

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2020 đến ngày 30/06/2020

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2020 đến ngày 30/06/2020

MÃ SỐ B 02-DN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II/2020		Quý II/2019		Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
			Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	VND	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	354.839.413.801	711.038.355.453	529.151.333.471	975.533.431.806	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-	
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		354.839.413.801	711.038.355.453	529.151.333.471	975.533.431.806	
4. Giá vốn hàng bán	11	23	357.812.690.175	719.461.173.859	521.333.611.890	952.629.958.702	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		(2.973.276.374)	(8.422.818.406)	7.817.721.581	22.903.473.104	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	196.275.800	1.238.847.470	1.694.617.549	7.874.232.626	
7. Chi phí tài chính	22	25	10.634.250.764	5.517.004.110	49.449.617.671	58.673.101.828	
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		10.486.783.179	21.444.258.063	15.054.590.220	23.754.101.472	
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		37.951.974	246.483.648	77.620.266	207.169.603	
9. Chi phí bán hàng	25		26.735.598	53.471.196	5.568.566.664	11.663.311.577	
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	7.765.108.463	10.382.324.638	1.533.432.784	5.857.904.538	
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))	30		(21.165.143.425)	(22.890.287.232)	(46.961.657.723)	(45.209.442.610)	
12. Thu nhập khác	31		3.349.507.002	3.470.258.089	133.271.280	146.942.645	
13. Chi phí khác	32		319.594.130	619.967.004	609.773.020	1.185.821.010	
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		3.029.912.872	2.850.291.085	(476.501.740)	(1.038.878.365)	

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,

Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2020 đến ngày 30/06/2020

15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50	(18.135.230.553)	(20.039.996.147)	(47.438.159.463)	(46.248.320.975)
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	28	-	-	1.114.390.832
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	29.c	2.527.157.874	-	2.027.418.355
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60	(19.547.500.244)	(22.567.154.021)	(47.438.159.463)	(49.390.130.162)
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61	(19.345.913.863)	(22.273.668.965)	(47.438.159.463)	(47.169.058.880)
20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62	(201.586.381)	(293.485.056)	(293.485.056)	(2.221.071.282)

Bùi Thái Huyền  
Người lập

Bùi Thị Ngọc  
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thanh Hương  
Chủ tịch HĐQT

Hải Phòng, ngày 30 tháng 07 năm 2020

4  
CÔNG TY  
XUẤT NHẬP  
KHẨU  
QUẢNG BÌNH



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**

Số 23, Lô I, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2020 đến ngày 30/06/2020

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2020 đến ngày 30/06/2020

(Theo phương pháp gián tiếp)

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2020	Từ 01/01/2019
			đến 30/06/2020	đến 30/06/2019
			VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(20.039.996.147)	(46.248.320.975)
6. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		5.882.642.485	8.489.282.528
- Các khoản dự phòng	03		(99.648.903.284)	32.450.591.402
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		691.848.473	5.639.888
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		80.181.091.390	(281.660.932)
- Chi phí lãi vay	06		21.444.258.063	23.754.101.472
- Các khoản điều chỉnh khác	07		(246.483.648)	-
12 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(11.735.542.668)	18.169.633.383
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(13.914.831.830)	(133.907.659.968)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		4.160.876.976	(6.179.445.136)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(10.786.724.632)	286.357.728.375
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		4.099.130.538	3.025.886.861
- Tiền lãi vay đã trả	14		(929.150.458)	(24.101.714.605)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(3.265.027.722)	(3.558.924.481)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(32.371.269.796)	139.805.504.429
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	(18.681.082.009)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	1.272.727.273
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(3.300.000.000)	(630.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		7.000.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(9.800.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		27.638.936.700	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		(110.887.197)	794.500.472
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		31.228.049.503	(27.043.854.264)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33		-	83.791.787.170
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(15.981.499.986)	(213.621.562.882)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(15.981.499.986)	(129.829.775.712)

TOP 100

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2020 đến ngày 30/06/2020

(Theo phương pháp gián tiếp)

MÃ SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2020	Từ 01/01/2019
			đến 30/06/2020	đến 30/06/2019
			VND	VND
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(17.124.720.279)	(17.068.125.547)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		22.002.756.461	24.337.271.891
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(3.316.143)	(5.639.888)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	5	<u>4.874.720.039</u>	<u>7.263.506.456</u>

Bùi Thái Huyền  
Người lập

Bùi Thị Ngọc  
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thanh Hương  
Chủ tịch HĐQT

Hải Phòng, ngày 30 tháng 07 năm 2020



# CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2020 đến ngày 30/06/2020

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

### 1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0200730878 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 12 tháng 03 năm 2007 đăng ký thay đổi lần thứ 29 ngày 27 tháng 04 năm 2020.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 693.299.280.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2020 là 693.299.280.000 đồng; tương đương 69.329.928 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

#### Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm phân bón DAP và các sản phẩm hóa chất phục vụ cho sản xuất phân bón trong nước. Đồng thời, Công ty cung cấp các dịch vụ về kho bãi ngoại quan và các dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa;
- Bán buôn phân bón; Bán buôn hoá chất thông thường (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp);
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;

#### Cấu trúc Tập đoàn

##### Tổng số công ty con:

- Số lượng công ty con được hợp nhất: 02 Công ty
- Số lượng công ty con không được hợp nhất: Không có

Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 30/06/2020 bao gồm:

Tên công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Cảng cạn Quảng Bình - Đình Vũ	Hải Phòng	98,63%	98,63%	Dịch vụ cảng và Logistic
Công ty Cổ phần Transworld QBV ICD	Hải Phòng	54,00%	54,00%	Dịch vụ cảng và Logistic

## CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2020 đến ngày 30/06/2020

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Công ty có các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát quan trọng được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 30/06/2020 bao gồm:

Tên công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Vật tư và Xuất nhập khẩu Hóa chất	Hà Nội	36,29%	36,29%	Thương mại hóa chất sản xuất phân bón

### 2 . KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### 3 . CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

#### Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### 4 . TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

#### Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**MÃ SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

### **Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó là 10 năm.

Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế thương mại từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

### **Lợi ích của cổ đông không kiểm soát**

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

### **Công cụ tài chính**

#### **Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

08,  
TY  
IẢN  
PK  
BİN  
TP. P

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

### ***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### **Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi góp vốn hoặc nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

### **Các khoản đầu tư tài chính**

#### ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**MÃ SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

### ***Các khoản cho vay***

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

### ***Đầu tư vào công ty liên kết***

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

### ***Nợ phải thu***

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

### ***Hàng tồn kho***

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.



## CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2020 đến ngày 30/06/2020

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

### Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 40	năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 15	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10	năm

### Tài sản cố định vô hình và khấu hao

#### Quyền sử dụng đất

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

### Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

### Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất, chi phí thành lập và các khoản chi phí trả trước khác.

Tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê đất đã được trả trước. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí thành lập bao gồm các chi phí phát sinh trong quá trình thành lập Công ty trước ngày có Giấy chứng nhận đầu tư và được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Chi phí thành lập được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm kể từ ngày Công ty chính thức đi vào hoạt động.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo và chi phí đào tạo phát sinh trong giai đoạn trước khi Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

020  
CỔ  
C  
UẤT  
QU  
/GB



## CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2020 đến ngày 30/06/2020

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

### Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

### Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

### Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

### Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

### Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

13087  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
XUẤT NHẬP KHẨU  
QUẢNG BÌNH  
G-TP.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

**Doanh thu**

***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

***Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

**Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**MÃ SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

### **Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chi ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

### **Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong .

## CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,

Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2020 đến ngày 30/06/2020

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi, Quỹ khen thưởng Ban điều hành và cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

### Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

### Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

## 5 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	3.366.394.054	4.502.335.764
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.508.325.985	17.500.420.697
	<b>4.874.720.039</b>	<b>22.002.756.461</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2020 đến ngày 30/06/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**6 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**  
a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư ngắn hạn	10.300.000.000	10.300.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	10.300.000.000	10.300.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
	<b>10.300.000.000</b>	<b>10.300.000.000</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>10.000.000.000</b>

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2020			01/01/2020		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	105.881.626.363	107.745.910.029	-	105.881.626.363	107.806.228.732	-
Công ty CP Vật tư và Xuất nhập khẩu Hóa chất	105.881.626.363	107.745.910.029	-	105.881.626.363	107.806.228.732	-
Đầu tư vào đơn vị khác	-	-	-	233.503.969.597	136.307.892.750	(97.196.076.847)
Công ty Cổ phần DAP - Vinachem	-	-	-	233.503.969.597	136.307.892.750	(97.196.076.847)
	<b>105.881.626.363</b>	<b>107.745.910.029</b>	-	<b>339.385.595.960</b>	<b>244.114.121.482</b>	<b>(97.196.076.847)</b>

3 BẢN  
QUẢN QUẢN  
CỔ ĐÓNG  
CỔ ĐÓNG  
17/02/2020

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2020 đến ngày 30/06/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***7 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Nhật Thụy	77.867.053.830	77.829.055.817
Công ty CP Xuất nhập khẩu Tân Bình Phú	47.575.714.588	47.575.714.588
Công ty CP Xuất nhập khẩu Đức Nguyễn	217.350.742.094	134.055.015.854
Công ty CP Xuất nhập khẩu Hà Nội	239.678.020.716	189.990.588.216
Các khoản phải thu khách hàng khác	14.379.247.739	16.163.311.145
	<b>596.850.778.967</b>	<b>465.613.685.620</b>

**8 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Phân bón Lào Cai	-	-	90.172.060.000	-
Công ty CP Thương mại Xuất nhập khẩu EAG	-	-	153.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Abavia Việt Nam	137.000.000.000	-	-	-
Trả trước khác	18.844.228.272	-	19.646.344.259	(3.126.078.138)
	<b>155.844.228.272</b>	<b>-</b>	<b>262.818.404.259</b>	<b>(3.126.078.138)</b>

**9 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	794.821.918	-	291.863.014	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	-	-	29.815.600	-
Ký cược, ký quỹ	305.000.000	-	3.911.103.000	-
Phải thu khác	226.730.737	-	402.260.918	-
	<b>1.326.552.655</b>	<b>-</b>	<b>4.635.042.532</b>	<b>-</b>

**10 . NỢ XẤU**

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,

Báo cáo tài chính hợp nhất

Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2020 đến ngày 30/06/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
<i>Công ty CP DAP2- Vinachem</i>	6.952.428.162	3.476.214.081	11.580.396.278	5.968.630.760
<i>Công ty CP Hóa chất Phúc Lâm</i>	4.465.825.912	1.339.747.774	4.465.825.912	1.339.747.774
<i>Công ty CP Thức ăn chăn nuôi Spotlight</i>	2.863.598.538	-	2.863.598.538	-
<i>Đối tượng khác</i>	1.007.087.917	244.622.674	1.007.087.917	244.622.674
	<b>15.288.940.529</b>	<b>6.508.979.977</b>	<b>19.916.908.645</b>	<b>7.553.001.208</b>

**11 . HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	-	-	1.890.000	-
Công cụ, dụng cụ	652.087.280	-	-	-
Hàng hoá	5.000.000.000	-	9.811.074.256	-
	<b>5.652.087.280</b>	<b>-</b>	<b>9.812.964.256</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải PhòngBáo cáo tài chính hợp nhất  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2020 đến ngày 30/06/2020**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***MẪU SỐ B 09-DN****12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2020	130.151.580.278	7.256.351.136	41.616.997.238	2.205.078.515	-	181.230.007.167
Tại ngày 30/06/2020	<b>130.151.580.278</b>	<b>7.256.351.136</b>	<b>41.616.997.238</b>	<b>2.205.078.515</b>	-	<b>181.230.007.167</b>
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2020	18.070.196.552	538.965.210	10.354.876.279	997.088.251	-	29.961.126.292
Trích khấu hao	3.445.331.232	5.127.624	2.312.633.209	119.550.420	-	5.882.642.485
Tại ngày 30/06/2020	<b>21.515.527.784</b>	<b>544.092.834</b>	<b>12.667.509.488</b>	<b>1.116.638.671</b>	-	<b>35.843.768.777</b>
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2020	112.081.383.726	6.717.385.926	31.262.120.959	1.207.990.264	-	151.268.880.875
Tại ngày 30/06/2020	<b>108.636.052.494</b>	<b>6.712.258.302</b>	<b>28.949.487.750</b>	<b>1.088.439.844</b>	-	<b>145.386.238.390</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2020 đến ngày 30/06/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***13 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Giá trị quyền sử dụng đất VND
<b>Nguyên giá</b>	
Tại ngày 01/01/2020	82.401.650.000
Tại ngày 30/06/2020	82.401.650.000
<b>Giá trị còn lại</b>	
Tại ngày 01/01/2020	82.401.650.000
Tại ngày 30/06/2020	82.401.650.000

**14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
<b>a) Chi phí trả trước ngắn hạn</b>		
Chi phí thuê đất tại Đình Vũ	558.860.832	-
Công cụ dụng cụ xuất dùng	67.504.548	221.498.501
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	195.181.892	187.629.930
	<b>821.547.272</b>	<b>409.128.431</b>
<b>b) Chi phí trả trước dài hạn</b>		
Chi phí thuê đất tại Đình Vũ	281.634.371.700	285.348.231.545
Chi phí trước hoạt động/chi phí chuẩn bị sản xuất	976.975.054	1.033.325.265
Công cụ dụng cụ xuất dùng	82.285.840	125.835.323
Chi phí trả trước dài hạn khác	600.693.638	1.298.483.478
	<b>283.294.326.232</b>	<b>287.805.875.611</b>

**15 . LỢI THỂ THƯƠNG MẠI**

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Giá trị lợi thể thương mại phát sinh từ việc mua công ty con trong kỳ	-	7.453.537.251
	<b>-</b>	<b>7.453.537.251</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2020 đến ngày 30/06/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***16 . PHẢI NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả VND
Công ty CP Đầu tư Sao Thái Dương	8.346.941.447	8.346.941.447	92.668.333.224	92.668.333.224
Fagro International Trading Fze	9.660.219.912	9.660.219.912	9.635.322.438	9.635.322.438
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Phân bón Lào Cai	23.663.940.000	23.663.940.000	-	-
Công ty Cổ phần Phát triển Phân Bón Đình Vũ	79.596.037.005	79.596.037.005	-	-
Công ty Cổ phần Ecoparadise Việt Nam	21.260.000.000	21.260.000.000	-	-
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Dịch vụ Việt Đức	33.022.950.000	33.022.950.000	-	-
Các khoản phải trả khác	11.535.509.699	11.535.509.699	21.442.062.029	21.442.062.029
	<b>187.085.598.063</b>	<b>187.085.598.063</b>	<b>123.745.717.691</b>	<b>123.745.717.691</b>

**17 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Ông Bùi Tổ Minh (Tiền đặt cọc mua cổ phần Vinachimex)	85.511.700.000	85.511.700.000
Công ty CP Đầu tư Nước sạch và Môi trường Eco&More	-	94.000.000.000
Tổng Công ty Thiết bị Điện Việt Nam	-	100.000.000.000
Phải thu khác	2.558.842.633	3.220.569.242
	<b>88.070.542.633</b>	<b>282.732.269.242</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2020 đến ngày 30/06/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**MÃU SỐ B 09-DN**

**18 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu kỳ		Số phải nộp đầu kỳ		Số phải nộp trong kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		Số phải thu cuối kỳ		Số phải nộp cuối kỳ	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Giá trị gia tăng	-		58.720.756		179.969.499		238.690.255		-		-	
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-		3.265.027.722		-		3.265.027.722		-		-	
Thuế Thu nhập cá nhân	739.700		161.357		7.506.555		-		739.700		7.667.912	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-		1.220.640.580		133.916.723		1.343.763.185		-		10.794.118	
	<b>739.700</b>		<b>4.544.550.415</b>		<b>321.392.777</b>		<b>4.847.481.162</b>		<b>739.700</b>		<b>18.462.030</b>	

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2020 đến ngày 30/06/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***19 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	35.944.824	33.374.824
Bảo hiểm xã hội	26.027.850	-
Bảo hiểm y tế	4.593.150	-
Bảo hiểm thất nghiệp	2.041.400	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	155.000.000	1 55.000.000
Phải trả lãi vay Ngân hàng NN&PTNT - Chi nhánh Hải Phòng	16.836.986.299	9.2 07.945.205
Phải trả lãi vay Ngân hàng NN&PTNT - Chi nhánh Thủ đô	16.270.447.332	12.2 75.047.945
Phải trả lãi vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hải Phòng	18.286.248.615	9.3 95.581.491
Phải trả lãi đặt cọc mua cổ phần của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam	-	2.4 98.630.137
Các khoản phải trả, phải nộp khác	41.981.500	1.228.479.000
	<b>51.659.270.970</b>	<b>34.794.058.602</b>

378  
 Y  
 ↓  
 HẢI  
 PH  
 HẢI



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2020 đến ngày 30/06/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**20 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	01/01/2020		Trong kỳ		30/06/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn</b>						
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>	<b>198.800.000.000</b>	<b>198.800.000.000</b>	-	<b>15.030.000.000</b>	<b>183.770.000.000</b>	<b>183.770.000.000</b>
- Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - CN Thủ Đức <sup>(1)</sup>	78.800.000.000	78.800.000.000	-	15.030.000.000	63.770.000.000	63.770.000.000
- Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - CN Bắc Hải Phòng <sup>(2)</sup>	120.000.000.000	120.000.000.000	-	-	120.000.000.000	120.000.000.000
<i>Vay và nợ dài hạn đến hạn trả</i>	<b>37.722.999.972</b>	<b>37.722.999.972</b>	-	<b>951.499.991</b>	<b>36.771.499.986</b>	<b>36.771.499.986</b>
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hải Phòng	35.820.000.000	35.820.000.000	-	-	35.820.000.000	35.820.000.000
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Hải Phòng	1.902.999.972	1.902.999.972	-	951.499.991	951.499.986	951.499.986
	<b>236.522.999.972</b>	<b>236.522.999.972</b>	-	<b>15.981.499.991</b>	<b>220.541.499.986</b>	<b>220.541.499.986</b>
<b>b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</b>						
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hải Phòng <sup>(3)</sup>	161.360.000.000	161.360.000.000	-	-	161.360.000.000	161.360.000.000
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Hải Phòng <sup>(4)</sup>	8.423.166.568	8.423.166.568	-	951.499.986	7.471.666.582	7.471.666.582
	<b>169.783.166.568</b>	<b>169.783.166.568</b>	-	<b>951.499.986</b>	<b>168.831.666.582</b>	<b>168.831.666.582</b>
Nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	37.722.999.972	37.722.999.972			36.771.499.986	36.771.499.986
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	132.060.166.596	132.060.166.596			132.060.166.596	132.060.166.596



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,

Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2020 đến ngày 30/06/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***21 . VỐN CHỦ SỞ HỮU****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận chưa phân phối		Lợi ích cổ đông không kiểm soát		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
<b>Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019</b>											
Tại ngày 01/01/2019	693.299.280.000	(3.249.100.000)	9.761.921.400	186.277.279.890	2.025.955.801	888.115.337.091					
Lãi/lỗ trong kỳ trước	-	-	-	(47.169.058.880)	(2.221.071.282)	(49.390.130.162)					
Phân phối lợi nhuận	-	-	5.930.527.897	(8.895.791.837)	-	(2.965.263.940)					
Tăng khác	-	-	-	312.891.554	2.477.174.949	2.790.066.503					
<b>Tại ngày 30/06/2019</b>	<b>693.299.280.000</b>	<b>(3.249.100.000)</b>	<b>15.692.449.297</b>	<b>130.525.320.727</b>	<b>2.282.059.468</b>	<b>838.550.009.492</b>					
<b>Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020</b>											
Tại ngày 01/01/2020	693.299.280.000	(3.249.100.000)	15.692.449.297	4.582.859.832	7.052.559.369	717.378.048.498					
Lãi/lỗ trong kỳ này	-	-	-	(22.273.668.965)	(293.485.056)	(22.567.154.021)					
Tăng khác	-	-	-	4.140.376	-	4.140.376					
Giảm do trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(170.065.601)	-	(170.065.601)					
Giảm do bù đắp khoản phạt vi phạm thuế	-	-	-	(140.877.126)	-	(140.877.126)					
<b>Tại ngày 30/06/2020</b>	<b>693.299.280.000</b>	<b>(3.249.100.000)</b>	<b>15.692.449.297</b>	<b>(17.997.611.484)</b>	<b>6.759.074.313</b>	<b>694.504.092.126</b>					



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2020 đến ngày 30/06/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	30/06/2020 VND	Tỷ lệ (%)	30/6/2019 VND
Ông Nguyễn Thanh Bình	7,21%	50.000.000.000	7,21%	50.000.000.000
Bà Nguyễn Thị Hương	13,27%	92.005.790.000	13,27%	92.005.790.000
Các cổ đông khác	79,52%	551.293.490.000	79,52%	551.293.490.000
	<b>100%</b>	<b>693.299.280.000</b>	<b>100%</b>	<b>693.299.280.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	30/06/2020 VND	30/06/2019 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	693.299.280.000	693.299.280.000
- Vốn góp đầu kỳ	693.299.280.000	693.299.280.000
- Vốn góp cuối kỳ	693.299.280.000	693.299.280.000

**d) Cổ phiếu**

	30/06/2020	30/06/2019
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	69.329.928	69.329.928
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	69.329.928	69.329.928
- Cổ phiếu phổ thông	69.329.928	69.329.928
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	69.329.928	69.329.928
- Cổ phiếu phổ thông	69.329.928	69.329.928
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**e) Các quỹ công ty**

	30/06/2020 VND	30/06/2019 VND
Quỹ đầu tư phát triển	15.692.449.297	15.692.449.297
	<b>15.692.449.297</b>	<b>15.692.449.297</b>

730  
NG  
PH  
HẬP  
NGI  
NG-T

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2020 đến ngày 30/06/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***22 . DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	30/06/2020	30/06/2019
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	707.804.408.796	966.939.784.163
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.233.946.657	8.593.647.643
	<b>711.038.355.453</b>	<b>975.533.431.806</b>

**23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	30/06/2020	30/06/2019
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	-	43.601.046.405
Giá vốn của hàng hóa đã bán	700.539.888.622	890.335.162.932
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	18.921.285.237	18.693.749.365
	<b>719.461.173.859</b>	<b>952.629.958.702</b>

**24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	30/06/2020	30/06/2019
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	392.071.707	488.549.976
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	163.931.884	5.283.663.406
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	682.843.879	1.769.051.746
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	332.967.498
	<b>1.238.847.470</b>	<b>7.874.232.626</b>

**25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	30/06/2020	30/06/2019
	VND	VND
Lãi tiền vay	21.444.258.063	23.754.101.472
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	80.573.163.097	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	3.811.324	1.149.429.400
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	691.848.473	80.392.574
Dự phòng/hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(97.196.076.847)	33.689.105.200
Chi phí tài chính khác	-	73.182
	<b>5.517.004.110</b>	<b>58.673.101.828</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2020 đến ngày 30/06/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***26 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ	63.655.515	134.984.269
Chi phí nhân công	3.340.069.758	3.994.935.486
Chi phí khấu hao tài sản cố định	591.978.762	598.668.449
Thuế, phí, lệ phí	6.000.000	77.412.970
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	(2.452.826.437)	(1.238.513.798)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	747.616.871	1.944.128.340
Chi phí khác bằng tiền	8.085.830.169	346.288.822
	<b>10.382.324.638</b>	<b>5.857.904.538</b>

**Bùi Thái Huyền**  
Người lập**Bùi Thị Ngọc**  
Kế toán trưởng**Nguyễn Thị Thanh Hương**  
Chủ tịch HĐQT

Hải Phòng, ngày 30 tháng 07 năm 2020



**CÔNG TY CỔ PHẦN  
XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**  
Số:0207/2020/PKT

**Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam**  
**Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**  
\*\*\*\*\*00\*\*\*\*\*

Hải Phòng, ngày 30 tháng 07 năm 2020

**Kính gửi : - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước Việt Nam**  
**- Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh**

- Căn cứ Khoản 4 điều 11 Thông tư số 155/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06/10/2015.

- Căn cứ quy trình công bố thông tin của Công ty CP xuất nhập khẩu Quảng Bình.

Theo Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2020 đến ngày 30/06/2020 của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình, tổng lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo KQ HĐKD hợp nhất của Công ty lỗ 19,547 tỷ đồng, giảm 27,891 tỷ đồng so với quý II/2019. Nguyên nhân được xác định cụ thể như sau:

- Tổng doanh thu Quý II/2020 của Công ty đạt 354,839 tỷ đồng, giảm 174,312 tỷ đồng tương ứng giảm 32,94% so với quý II/2019. Doanh thu hoạt động tài chính giảm 1,498 tỷ đồng so với quý II/2019. Chi phí khác giảm 0,29 tỷ đồng so với quý II/2019.
- Tổng giá vốn hàng bán giảm 163,521 tỷ đồng, tương ứng giảm 31,36% so với Quý II/2019. Chi phí tài chính giảm 38,815 tỷ đồng tương ứng giảm 78,49% so với quý II/2019 do trong quý II/2019 Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng khoản đầu tư tài chính đối với khoản đầu tư vào Công ty CP Cảng cạn Quảng Bình – Đình Vũ. Thu nhập khác tăng 3,216 tỷ đồng.

Vì sự tăng giảm của các chỉ tiêu trên nên Tổng lợi nhuận sau thuế quý II/2020 tăng 27,891 tỷ đồng tương ứng tăng 58,79% so với quý II/2019.



*Handwritten signature*

Bảng công văn này, Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Quảng Bình kính  
giải trình lên HOSE và UBCKNN về số liệu lợi nhuận sau thuế đối với Kết quả  
kinh doanh hợp nhất của quý II/2020 của Công ty.

*Trân trọng.*

**Nơi nhận:**

- Như Kính gửi
- Lưu VP

CÔNG TY CỔ PHẦN XNK QUẢNG BÌNH



CHỦ TỊCH HĐQT  
*Nguyễn Thị Thanh Hương*

